TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2025
V/v tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **BÙI VĂN MÀU**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông **HỨA QUỐC THÁI** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G không tham gia phiên toà.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 492/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. N đơn: Chị **TRẦN THỊ H,** sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp 04, xã An H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

2. Bị đơn: Anh **CAO THANH B,** sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp 04, xã An H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án N đơn chị Trần Thị H bày: Do quen biết nên chị và anh Cao Thanh B chính thức xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình nên vợ chồng đã chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 07 con chung tên Cao Thanh Th, sinh ngày 06/11/2002; Cao Thành V, sinh ngày 24/12/2004; Cao N, sinh ngày 18/9/2006; Cao B, sinh ngày 10/4/2008; Cao Trần K, sinh ngày 10/7/2009; Cao Ngọc Thanh G, sinh ngày 8/7/2011; Cao Quốc B, sinh ngày 27/8/2019 hiện các con chung đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B; K; G; B và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Th; cháu N và cháu V thì đã đủ 18 tuổi và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Thanh B không có văn bản ý kiến và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, N đơn có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Trần Thị H có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, anh Cao Thanh B vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Do quen biết nên chị và anh Cao Thanh B chính thức xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình nên vợ chồng đã chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Xét thấy, cho chị H được ly hôn anh B là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có pH án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con chung và chị H khẳng định không còn tình cảm với anh B. Đồng thời, trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh B để đảm B quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh B vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện chị không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị H nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị được ly hôn anh B là phù hợp theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Cao Thanh Th, sinh ngày 06/11/2002; Cao Thành V, sinh ngày 24/12/2004; Cao N, sinh ngày 18/9/2006; Cao B, sinh ngày 10/4/2008; Cao Trần K, sinh ngày 10/7/2009; Cao Ngọc Thanh G, sinh ngày 8/7/2011; Cao Quốc B, sinh ngày 27/8/2019 hiện các con chung đang sống với chị. Xét thấy, tiếp tục giao cháu B; K; G; B cho chị H nuôi dưỡng là có cơ sở. Bởi lẽ, cháu đã sống ổn định với chị H từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Mặt khác, bản thân các cháu B; K; G; B đều thể hiện ý kiến có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Từ đó, để đảm B quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập của cháu nên giao cháu Cao B, sinh ngày 10/4/2008; Cao Trần K, sinh ngày 10/7/2009; Cao Ngọc Thanh G, sinh ngày 8/7/2011; Cao Quốc B, sinh ngày 27/8/2019 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với các cháu Cao Thanh Th, sinh ngày 06/11/2002; Cao Thành V, sinh ngày 24/12/2004; Cao N, sinh ngày 18/9/2006 đã đủ 18 tuổi và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung :* Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng như anh B không có ý kiến gì liên quan đến tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6] *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H. Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Cao Thanh B.

Về con chung: Giao 04 con chung tên Cao B, sinh ngày 10/4/2008; Cao Trần K, sinh ngày 10/7/2009; Cao Ngọc Thanh G, sinh ngày 8/7/2011; Cao Quốc B, sinh ngày 27/8/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Cao Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015844 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Anh B và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền G;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã phường nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ÂU THỊ THẢO

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 01 năm 2025
Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà ÂU THỊ THẢO
Các Hội thẩm nhân dân: Ông……
Ông……

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 492/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 giữa:

1. N đơn: Chị **TRẦN THỊ H,** sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp 04, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G

2. Bị đơn: Anh **CAO THANH B,** sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp 04, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 (100%):

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H. Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Cao Thanh B.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về con chung: Giao 05 con chung tên Cao N, sinh ngày 18/9/2006; Cao B, sinh ngày 10/4/2008; Cao Trần K, sinh ngày 10/7/2009; Cao Ngọc Thanh G, sinh ngày 8/7/2011; Cao Quốc B, sinh ngày 27/8/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Cao Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015844 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về quyền kháng cáo: Anh B và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G xét xử phúc thẩm./.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi….giờ….phút, ngày 10 tháng 01 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**